

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HS-PT
Ngày: 29-10-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thái S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2024/HS-ST ngày 27- 8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thái S**, sinh năm: 1973 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số I, đường T, Khu phố G, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Thái H và bà Nguyễn Thị H1; vợ: Trần Lê Ngọc H2 (đã ly hôn); có 01 người con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị giam giữ từ ngày 06/5/2024 đến 16/5/2024; bị cáo tại ngoại, có mặt;

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Phú S1 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/4/2015, anh Trần Lê Quốc V, sinh năm 1984, tổ chức tiệc cưới tại nhà của chị ruột là Trần Lê Ngọc H2 ở số G, Khu phố B, Phường D, thành phố B. Trong tiệc cưới có anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1974 là bạn trai của chị H2 đến tham dự. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, tiệc cưới đã xong nên khách ra về hết, trong lúc chị H2 và anh V đang dọn dẹp ở bên trong nhà, anh T ngồi bấm điện thoại ở bàn phía trước sân thì Nguyễn Thái S, sinh năm 1973 (là chồng cũ của chị H2 đã

ly hôn năm 2014) điều khiển xe mô tô không rõ biển số đến rồi bất ngờ dùng sợi dây ràng màu xanh, loại dây ràng dù, bản lớn đẹp, hai đầu sợi dây ràng có buộc một ổ khóa bằng kim loại màu trắng, đánh nhiều cái vào vùng mặt và vùng đầu của anh T gây thương tích. Nghe tiếng đánh nhau, anh V liền chạy ra can ngăn và giật sợi dây ràng có buộc ổ khóa trên tay của S. Sau đó, S dùng tay đánh trúng vào mặt anh V một cái rồi điều khiển xe bỏ đi. Anh T được người thân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ. Riêng Nguyễn Thái S đã bỏ địa phương, không rõ đi đâu. Ngày 02/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định truy nã đối với Nguyễn Thái S. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 06/5/2024, S đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đầu thú.

Vật chứng thu giữ tại hiện trường: 01 (Một) sợi dây ràng màu xanh, loại dây ràng dù, bản lớn đẹp, màu xanh, hai đầu móc sợi dây ràng có buộc ổ khóa bằng kim loại màu trắng do Trần Lê Quốc V giao nộp.

Tại Bản Kết luận Giám định pháp y về thương tích Số 153-515/TgT ngày 05/6/2015 của Trung tâm giám định pháp y Sở Y tế tỉnh B kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương đầu vùng đỉnh dài 03cm đã lành, sẹo kích thước 03 x 0,1cm; Vết thương dọc má trái dài 05cm đã lành, sẹo kích thước 04cm x 0,2cm sẫm màu, có ảnh hưởng đến thẩm mỹ; Vết thương trước tai trái dài 02cm đã lành, sẹo kích thước 02cm x 0,1cm. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Nguyễn Xuân T là 12%.

Tại Bản kết luận giám định lại Lần thứ nhất tổn thương cơ thể trên người sống Số 5924/KLTTCT-C09B ngày 28/9/2023 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Các kết quả chính: 01 (Một) sẹo vùng đỉnh trái, bờ không gọn, kích thước nhỏ; 01 (Một) sẹo má trái, nằm dọc, bờ không gọn; 01 (Một) sẹo tai trái, bờ không gọn, kích thước nhỏ.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Y xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của ông Nguyễn Xuân T như sau: Sẹo vùng đỉnh trái, sẹo tai trái: 01%; 01 (Một) sẹo má trái, có ảnh hưởng thẩm mỹ: 11%. Áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Xuân T tại thời điểm giám định là 12%. Kết luận khác: Thương tích của ông Nguyễn Xuân T có đặc điểm phù hợp do vật tày có cạnh gây ra.

Tại Công văn số 82/CV-PY ngày 25/4/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh B phúc đáp như sau: “Sợi dây ràng màu xanh (loại dây ràng dù, đẹp, loại bản lớn), hai đầu móc sợi dây ràng có buộc ổ khóa bằng kim loại màu trắng, phù hợp với cơ chế hình thành vết thương của ông Nguyễn Xuân T nên có khả năng gây ra thương tích cho ông Nguyễn Xuân T”.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thái S khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai bị hại, lời khai nhân chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án

nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái S phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2024 đến 16/5/2024. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2024, bị cáo Nguyễn Thái S kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm, bị cáo cho rằng bị cáo là người đánh anh T trước.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định phù hợp luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái S phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp; bị cáo phạm vào tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thái S; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái S phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ 06/5/2024 đến 16/5/2024. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bị cáo không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Cho rằng Tội cố ý gây thương tích đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, nguyên nhân sâu xa bị cáo gây thương tích bị hại vì ghen, mặc dù bị cáo dùng hung khí nguy hiểm, đề nghị xem xét tình tiết có tính chất côn đồ để giảm nhẹ cho bị cáo, bị hại có hai lần xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo đầu thú, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có mẹ bị bệnh, bị cáo phụ nuôi dưỡng con. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo bổ sung tranh luận yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về gia đình lo cho mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 29/4/2015, tại nhà số G, Khu phố B, Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thái S đã có hành vi vô cớ dùng sợi dây ràng màu xanh, loại dây ràng dù, bản lớn đẹp, màu xanh, hai đầu móc sợi dây ràng có buộc ổ khóa bằng kim loại màu trắng là hung khí nguy hiểm đánh nhiều cái vào vùng đầu, vùng mặt của anh Nguyễn Xuân T gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 12%.

Với ý thức, hành vi và hậu quả bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái S phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thái S, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo t(hoặc quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự); đã thỏa thuận bồi thường xong thiệt hại cho người bị hại (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự); Bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên và đầu thú (theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo bổ sung tài liệu chứng cứ mới: Đơn xin bãi nại (Lần 2) của người bị hại Nguyễn Xuân T đề ngày 23/9/2024; đơn thuốc thể hiện bà Nguyễn Thị H1 là mẹ của bị cáo bị bệnh đái tháo đường không phụ thuộc insuline, bệnh lý tăng huyết áp, tăng lipid máu hỗn hợp (theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Tuy nhiên, do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là dưới mức thấp nhất mà điều luật quy định, là đã có xem xét cho bị cáo, xét thấy phù hợp nên được giữ nguyên. Bị cáo phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “Có tính chất côn đồ” (theo điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự) nên không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử; quan điểm của người bào chữa cho bị cáo không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thái S phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thái S giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái S phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ Luật Hình sự. Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2027 của Quốc Hội khóa XIV.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thái S** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2024 đến 16/5/2024. Thời hạn còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (một) năm 02 (hai) tháng 19 (mười chín) ngày tù.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thái S phải nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (6b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND phường An Hội, thành phố Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh